

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU
VP: Tổ 23, Cụm 4, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, HN

MÃ SỐ THUẾ: 0101030402

-----oOo-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT

Quý II - Năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tô 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		570,052,239,589	560,660,872,178
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1,947,362,841	2,718,367,029
1. Tiền	111		1,947,362,841	2,718,367,029
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		482,107,298,563	479,460,790,049
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	16,020,856,978	22,414,343,069
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	20,321,167,480	20,476,478,400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	57,886,900,000	47,486,900,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	389,586,371,380	391,789,912,755
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1,707,997,275)	(2,706,844,175)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		85,820,065,407	78,333,496,868
1. Hàng tồn kho	141	V.7	85,820,065,407	78,333,496,868
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		177,512,778	148,218,232
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		177,512,778	148,218,232
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tô 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		126,406,713,850	126,401,468,990
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	41,580,000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	41,580,000
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định		220		16,606,361,717	16,206,465,566
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	16,606,361,717	16,206,465,566
	<i>Nguyên giá</i>	222		43,488,608,698	41,819,130,351
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(26,882,246,981)	(25,612,664,785)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư		230	V.9	27,768,000,000	27,768,000,000
	<i>Nguyên giá</i>	231		27,768,000,000	27,768,000,000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240	V.10	2,320,681,819	2,320,681,819
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2,320,681,819	2,320,681,819
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250		79,631,529,704	79,954,837,440
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	79,131,529,704	79,454,837,440
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	500,000,000	500,000,000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác		260		80,140,610	109,904,165
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	80,140,610	109,904,165
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		696,458,953,439	687,062,341,168

Báo cáo này phải được đọc cùng với Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tô 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		63,501,884,154	62,182,546,187
I. Nợ ngắn hạn	310		62,091,884,154	60,772,546,187
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	8,414,102,307	11,154,712,087
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1,240,296,001	5,602,093,713
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4,773,146,182	2,923,467,663
4. Phải trả người lao động	314		324,665,612	541,649,949
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	29,075,296	53,925,068
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	2,621,305,665	2,035,381,330
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	7,529,260,318	7,486,104,818
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	36,751,618,208	30,527,296,994
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	408,414,565	447,914,565
13. Quỹ bình ôn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,410,000,000	1,410,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	1,410,000,000	1,410,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		632,957,069,285	624,879,794,981
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	632,957,069,285	624,879,794,981
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		603,109,880,000	603,109,880,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603,109,880,000	603,109,880,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8,329,176,600	8,329,176,600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(14,550,000)	(14,550,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4,293,837,340	4,293,837,340
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16,124,794,031	8,047,098,713
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8,047,098,713	1,383,579
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8,077,695,318	8,045,715,134
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1,113,931,314	1,114,352,328
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		696,458,953,439	687,062,341,168

Lập, ngày 25 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng

Vương Thị Ánh Duyên

Giám đốc



Đương Đức Hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tô 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	88,698,857,222	190,624,135,427	123,354,411,985	359,126,491,096
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		88,698,857,222	190,624,135,427	123,354,411,985	359,126,491,096
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	85,095,501,398	175,198,966,399	113,611,763,734	332,979,327,746
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3,603,355,824	15,425,169,028	9,742,648,251	26,147,163,350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,753,884,329	52,195,000	3,496,434,521	61,576,817
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	845,449,952	10,961,170,762	1,605,897,853	11,723,981,418
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,605,897,853	898,834,721	1,605,897,853	1,661,645,380
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(323,307,736)		(323,307,736)	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	513,018,678	448,067,009	598,677,323	923,216,055
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	(662,316,464)	1,716,389,000	734,300,596	4,198,805,661
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,337,780,251	2,351,737,257	9,976,899,264	9,362,737,033
12. Thu nhập khác	31	VI.7	130,642,558	745,454,545	130,642,558	4,754,250,999
13. Chi phí khác	32	VI.8	(86,855,861)	1,664,671,704	4,458,139	9,606,900,088
14. Lợi nhuận khác	40		217,498,419	(919,217,159)	126,184,419	(4,852,649,089)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,555,278,670	1,432,520,098	10,103,083,683	4,510,087,944
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1,115,838,376	998,132,187	2,025,809,379	998,132,187
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,439,440,294	434,387,911	8,077,274,304	3,511,955,757
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4,439,495,365	434,428,216	8,077,695,318	3,512,058,094
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(55,071)	(40,305)	(421,014)	(102,337)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	74	7	134	58

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

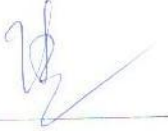
Địa chỉ: Tô 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Lập, ngày 25 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Hà



Vương Thị Ánh Duyên



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10,103,504,697	4,510,080,203
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1,391,582,196	1,573,578,852
- Các khoản dự phòng	03		(998,846,900)	797,536,640
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	62,336,038
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3,496,434,521)	14,531,887,994
- Chi phí lãi vay	06		1,605,897,853	1,661,645,380
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8,605,703,325	23,137,065,107
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12,259,973,840	11,986,427,126
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7,486,568,539)	(11,299,867,502)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8,601,101,943)	(13,054,608,794)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		29,763,555	(160,629,165)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,630,747,625)	(1,651,024,422)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(176,130,860)	(36,565,227)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(39,500,000)	(3,089,342,880)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2,961,391,753	5,831,454,243
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,970,626,182)	(1,424,545,455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2,089,516,770	745,454,545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10,400,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	40,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		323,307,736	(2,000,000,000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,084,521	38,783,500
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9,956,717,155)	37,359,692,590

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		53,692,431,426	45,077,343,047
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(47,468,110,212)	(47,436,435,835)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6,224,321,214	(2,359,092,788)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(771,004,188)	40,832,054,045
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2,718,367,029	12,512,503,817
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1,947,362,841	53,344,557,862

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng

Vương Thị Ánh Duyên

Lập, ngày 25 tháng 7 năm 2016

Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý II năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2016

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 20156 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu (công ty mẹ) và công ty con.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty Cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm**

Sản xuất, lắp đặt các loại sản phẩm đồ gỗ; Kinh doanh ô tô; Kinh doanh mũ cao su các loại.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. **Tổng số các công ty con** : 01

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

6. **Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Đại Châu	Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	53,33%	80%

7. **Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng	Nhà C35, lô C, tổ 20, cụm 5B An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội	50,00%	50,00%

8. **Danh sách các công ty liên kết chưa được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu do chưa có Báo cáo tài chính.**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>
Công ty Cổ phần Xuân Minh SD Thanh Hoa	Số 229A phố Đội Cung, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hoá	37.50%	40,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tô 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2015 của các công ty liên kết Công ty Cổ phần Xuân Minh SD Thanh Hoa, do đó chưa thực hiện hợp nhất đối với Công ty liên kết trên theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định khác

03 - 08

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là giá trị quyền sử dụng đất tại khu Cây đa Phương Bảng, Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội, thời hạn sử dụng đến năm 2043, mục đích sử dụng đất là trồng cây ăn quả lâu năm. Công ty không khấu hao đối với bất động sản này.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016 : 22.280 VND/USD

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.922.600.139	2.379.636.740
Tiền gửi ngân hàng	24.762.702	338.730.289
Cộng	<u>1.947.362.841</u>	<u>2.718.367.029</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>16.020.856.978</i>	<i>22.414.343.069</i>
Công ty Cổ phần May Lê Trục	6.795.819.328	6.795.819.328
Công ty TNHH Mậu dịch Hằng Du	-	4.518.590.000
Công ty TNHH Phước Lộc	80.000.000	2.692.000.000
Công ty TNHH xe nâng Bình Minh	3.496.800.000	1.142.200.000
Công ty CP Ngôi sao An Bình	1.460.191.309	-
Các đối tượng khác	4.188.046.341	7.265.733.741
Cộng	<u>16.020.856.978</u>	<u>22.414.343.069</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>20.321.167.480</i>	<i>20.476.478.400</i>
Phạm Minh Tuấn- Dự án khu Việt Long	15.145.756.000	15.145.756.000
Công ty cổ phần đầu tư Đức Thắng	1.439.029.050	1.439.029.050
Công ty TNHH Thương Mại Tuấn Loan	2.080.833.110	2.080.833.110
Các đối tượng khác	1.655.549.320	1.810.860.240
Cộng	<u>20.321.167.480</u>	<u>20.476.478.400</u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>23.386.900.000</i>	<i>12.986.900.000</i>
Công ty Cổ phần Xuân Minh SD Thanh Hoa vay với lãi suất 15%/ năm	600.000.000	600.000.000
Ông Đường Đức Hóa vay với lãi suất 15%/năm	3.380.000.000	3.380.000.000
Ông Đường Đức Hóa vay Công ty XNK Đại Châu không tính lãi	5.706.900.000	5.706.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng vay với lãi suất 12%/năm	13.700.000.000	3.300.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>34.500.000.000</i>	<i>34.500.000.000</i>
Ông Nguyễn Thanh Trí vay với lãi suất 15%/năm	3.000.000.000	3.000.000.000
Ông Nguyễn Kim Tuấn vay với lãi suất 15%/năm	1.500.000.000	1.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Nguyễn Thị Lan vay với lãi suất 15%/năm	22.500.000.000	22.500.000.000
Ông Nguyễn Văn Lực vay với lãi suất 15%/năm	7.500.000.000	7.500.000.000
Cộng	<u>57.886.900.000</u>	<u>47.486.900.000</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tạm ứng</i>	<i>380.619.646.566</i>	<i>386.319.646.566</i>
Tạm ứng thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát	229.337.346.566	229.337.346.566
Tạm ứng đối tượng khác	151.282.300.000	156.982.300.000
Lãi dự thu của các bên liên quan	1.496.666.417	617.566.417
Ông Đường Đức Hoà	708.222.667	451.906.000
Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa	169.400.000	123.900.000
Công ty Đầu tư Phú Thượng	619.043.750	41.760.417
Lãi dự thu của các đối tượng cá nhân khác	7.103.708.332	4.487.458.332
Ông Nguyễn Kim Tuấn	523.875.000	410.125.000
Ông Nguyễn Thanh Trì	506.916.666	279.416.666
Ông Nguyễn Văn Lực	1.518.229.166	949.479.166
Bà Nguyễn Thị Lan	4.554.687.500	2.848.437.500
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	366.350.065	365.241.440
Cộng	<u>389.586.371.380</u>	<u>391.789.912.755</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.706.844.175	3.459.821.535
Trích lập dự phòng bổ sung	-	797.536.640
Hoàn nhập dự phòng	(998.846.900)	-
Số cuối năm	<u>1.707.997.275</u>	<u>4.257.358.175</u>

Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi được trình bày tại phụ lục 1.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	2.002.500.000	768.000.000
Nguyên liệu, vật liệu	37.362.548.659	29.161.549.158
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	32.983.175.294	36.762.128.866
Thành phẩm	7.678.582.627	7.793.042.627
Hàng hóa	5.793.258.827	3.848.776.217
Cộng	<u>85.820.065.407</u>	<u>78.333.496.868</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	8.706.042.605	30.412.118.762	2.509.818.182	191.150.802	41.819.130.351
Tăng khác trong kỳ	-	1.791.478.347	-	-	1.791.478.347
Giảm trong kỳ do thanh lý	-	(122.000.000)	-	-	(122.000.000)
Số cuối kỳ	8.706.042.605	32.081.597.109	2.509.818.182	191.150.802	43.488.608.698
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.101.859.776	5.898.367.355	340.000.000	191.150.802	7.531.377.933
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.014.497.157	18.957.668.038	449.348.788	191.150.802	25.612.664.785
Tăng trong năm do khấu hao	269.363.022	1.004.637.354	117.581.820	-	1.391.582.196
Giảm trong năm do thanh lý	-	(122.000.000)	-	-	(122.000.000)
Số cuối kỳ	6.283.860.179	19.840.305.392	566.930.608	191.150.802	26.882.246.981
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.691.545.448	11.454.450.724	2.060.469.394	-	16.206.465.566
Số cuối kỳ	2.422.182.426	12.241.291.717	1.942.887.574	-	16.606.361.717

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.988.000.000VND và 1.856.018.886 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cầu Giấy.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tô 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng 3.386.6 m² đất tại khu Cây đa Phương Bảng, Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội, thời hạn sử dụng đến năm 2043, mục đích sử dụng đất là trồng cây ăn quả lâu năm. Lô đất này được Công ty mua lại của cá nhân và Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho Ông Đường Đức Hóa – Chủ tịch Hội đồng Quản trị đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí lắp đặt hệ thống băng tải gỗ dăm tại Cảng Vật Cách

Tình hình biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.320.681.819	5.200.517.071
Chi phí phát sinh trong kỳ	-	1.424.545.455
Kết chuyển sang tài sản cố định trong kỳ	-	(4.304.380.707)
Số cuối kỳ	2.320.681.819	2.320.681.819

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa ⁽ⁱ⁾	3.100.000	31.000.000.000	3.100.000	31.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng ⁽ⁱⁱ⁾	500.000	48.131.529.704	500.000	48.131.529.704
Cộng		79.131.529.704		79.131.529.704

⁽ⁱ⁾ Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/10/HDHTĐT ngày 12 tháng 3 năm 2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa. Nội dung của hợp đồng hợp tác đầu tư để khai thác mỏ Chì kềm, đầu tư nhà máy tuyển tinh quặng Chì kềm, nhà máy luyện kim loại Chì kềm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 31.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2015/HĐCNCP, ngày 28 tháng 05 năm 2015 Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu chuyên nhượng 490.000 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần, chiếm 49% vốn điều lệ mà công ty đang sở hữu trong Phú Thượng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản G5 với giá chuyển nhượng là 80.000 đồng/cổ phần tương đương với 39.200.000.000 VND; chuyển nhượng 10.000 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần, chiếm 1% vốn điều lệ mà công ty đang sở hữu trong Phú Thượng cho ông Nguyễn Quốc Khánh với giá chuyển nhượng là 80.000 đồng/cổ phần tương đương với 800.000.000 VND. Tổng giá chuyển nhượng của hợp đồng này là 40.000.000.000 VND.

Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 17 tháng 10 năm 2014 và phụ lục ngày 15 tháng 11 năm 2014 về điều chỉnh thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 15 tháng 07 năm 2015. Công ty đã nhận chuyển nhượng 500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng từ Bà Nguyễn Thị Thắng và Ông Hoàng Đăng Bảo với giá mua là 50.000.000.000 VND, tương đương với 50% vốn điều lệ. Giao dịch chuyển nhượng này được hoàn thành vào ngày 03 tháng 7 năm 2015.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty nắm giữ 500.000 cổ phần, tương đương 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản góp vốn theo hợp đồng nguyên tắc số 03/2010/HĐNT ngày 26 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ Long về việc hợp tác đầu tư Hệ thống kho bãi tại khu Đô thị và phi thuế quan tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	109.904.165	-
Phát sinh trong năm	21.872.814	202.900.000
Kết chuyển chi phí trong năm	(51.636.369)	42.270.835
Số cuối kỳ	80.140.610	160.629.165

14. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>8.414.102.307</i>	<i>11.154.712.087</i>
Công ty CP XNK và DV Thương mại 2K	-	4.377.730.000
Công ty TNHH Ô tô Hải Âu	-	-
Công ty cổ phần cảng Vật Cách	-	1.517.348.375
Công ty TNHH Thương mại - Tài chính Hải Âu	3.168.081.818	1.450.000.000
Công ty CP XD giao thông đô thị Hà Nội	1.916.946.894	2.644.946.894
Công ty TNHH Toàn Phát Hà Nội	2.202.750.000	-
Các đối tượng khác	1.126.323.595	1.164.686.818
Cộng	8.414.102.307	11.154.712.087

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>1.240.296.001</i>	<i>5.602.093.713</i>
Công ty TNHH Ô tô Cheng Long	-	2.612.000.000
Công ty TNHH Damsel Việt Nam	672.000.000	672.000.000
Các nhà cung cấp khác	568.296.001	2.318.093.713
Cộng	1.240.296.001	5.602.093.713

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	156.000.000	-	-	156.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.767.467.663	2.025.809.379	176.130.860	4.617.146.182
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	2.923.467.663	2.028.809.379	179.130.860	4.773.146.182

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	29.075.296	53.925.068
Cộng	<u>29.075.296</u>	<u>53.925.068</u>

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần may Lê Trục- lắp đặt nội thất	467.199.511	467.199.511
Công ty TNHH Phương Đông- lắp đặt nội thất	254.545.454	1.568.181.819
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách- thanh lý TSCĐ(*)	1.899.560.700	-
Cộng	<u>2.621.305.665</u>	<u>2.035.381.330</u>

(*) Là khoản tiền thanh lý khu Cảng vật cách cho Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách, tuy nhiên đơn vị chưa hoàn thành được hồ sơ thanh lý và vậy chưa ghi nhận giảm tài sản cố định đồng thời chưa ghi nhận thu nhập từ thanh lý.

19. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	173.277.338	173.277.338
Cổ tức năm 2011 phải trả	7.302.327.480	7.302.327.480
Phải trả khác	-	10.500.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	53.655.500	-
Cộng	<u>7.529.260.318</u>	<u>7.486.104.818</u>

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>36.751.618.208</i>	<i>36.751.618.208</i>	<i>30.527.296.994</i>	<i>30.527.296.994</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	36.571.618.208	36.571.618.208	30.167.296.994	30.167.296.994
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Quang Minh	-	-	9.500.217.044	9.500.217.044
Ngân hàng TMCP Á Châu(i)	29.732.618.208	29.732.618.208	20.667.079.950	20.667.079.950
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á(ii)	6.839.000.000	6.839.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	180.000.000	180.000.000	360.000.000	360.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á(i)	180.000.000	180.000.000	360.000.000	360.000.000
Cộng	<u>36.751.618.208</u>	<u>36.751.618.208</u>	<u>30.527.296.994</u>	<u>30.527.296.994</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(ii). Khoản vay ngân hàng TMCP Á Châu theo hợp đồng tín dụng số CHA.DN.273.291215 ngày 25 tháng 01 năm 2016, số tiền vay theo hạn mức là 34.204.000.000VND trong đó hạn mức cho vay là : 29.204.000.000VND mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh gỗ nội thất, kinh doanh ô tô máy xây dựng, xuất khẩu cao su; hạn mức bảo lãnh trong nước: 5.000.0000.0000VND mục đích phát hành bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu. Thời hạn hợp đồng là 12 tháng, thời hạn vay và lãi suất vay của khoản vay được ghi trên mỗi khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là bất động sản tại 10 ngách 105/16 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ chủ sở hữu là : Đoàn Trọng Hương và Lại Thị Lanh trị giá 2.028.000.000VND ; bất động sản tại căn hộ 398, nhà C22, TT Quỳnh Lôi, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, tp Hà Nội thuộc sở hữu của ông Đường Đức Thắng, bà Trần Thị Vân Hiền, bà Đường Phương Linh trị giá 991.000.000VND; bất động sản tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7E-IV-11,A18, tổ 29, cụm 5 phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình Hà Nội thuộc sở hữu của Bà Trần Thị Ánh Nguyệt và Ông Đường Đức Hóa trị giá 12.599.000.000VND; bất động sản tại thửa đất số 18 tờ bản đồ số 7E-IV-11.A18, tổ 29, cụm 5 phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình Hà Nội thuộc sở hữu của bà Trần Thị Kim Ngân và ông Nguyễn Tiến Dũng trị giá 6.417.000.000VND; bất động sản tại số 3 ngõ 22 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, tp Hà Nội thuộc sở hữu của ông Trần Văn Dũng, bà Trần Thị Tâm, trị giá 7.169.000.000VND.

Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số CHA.DN.314.291215 ngày 25/01/2016 tại Ngân hàng Á Châu, hạn mức thấu chi là 1.000.000.000VND, lãi suất..... Đối với khoản nợ trong hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh gỗ nội thất, kinh doanh ô tô, máy xây dựng, xuất khẩu cao su

(iii). Khoản vay ngân hàng TMCP Đông Nam Á theo hợp đồng tín dụng số REF1601800101/HĐHMTD ngày 19 tháng 01 năm 2016, hạn mức tối đa là 7.000.000.000VND, lãi suất vay trong hạn được xác định tại thời điểm giải ngân, được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh ô tô. Tài sản đảm bảo là bất động sản tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 7E-IV-11, địa chỉ A18 tổ 19 cụm 5, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, tp Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 371990, giấy chứng nhận này được sang tên từ GCN số 10101170009 đã cấp theo quyết định số 4914/QĐ-UB ngày 18/11/1999 của UBND thành phố Hà Nội. Số vào sổ cấp GCN: CH001409 781.QĐUB.2013 do UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp cho Ông Trần Việt Hà ngày 07/05/2013, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 8.549.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	30.167.296.994	53.692.431.426	-	47.288.110.212	36.571.618.208
Vay dài hạn đến hạn trả	360.000.000	-	-	180.000.000	180.000.000
Cộng	30.527.296.994	53.692.431.426	-	47.468.110.212	36.751.618.208

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	92.378.900	92.378.900
Quỹ phúc lợi	316.035.665	355.535.665
Cộng	408.414.565	447.914.565

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**22. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.410.000.000</i>	<i>1.410.000.000</i>	<i>1.410.000.000</i>	<i>1.410.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á(i)</i>	<i>1.410.000.000</i>	<i>1.410.000.000</i>	<i>1.410.000.000</i>	<i>1.410.000.000</i>
Cộng	1.410.000.000	1.410.000.000	1.410.000.000	1.410.000.000

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cầu Giấy theo hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số REF1532100148/HĐTD ngày 18 tháng 11 năm 2015, số tiền vay 1.800.000.000 VND nhằm mục đích mua xe ô tô Lexus NX 200T. Thời gian vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất được thỏa thuận theo từng khế ước nhận nợ. Lãi vay quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay là xe Lexus NX200T, số khung JTJYARBZ3F2000987, số máy W0084108AR, BKS: 30A-899.95, tổng giá trị tài sản đảm bảo 2.550.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp REF1532100148 ngày 18 tháng 11 năm 2015. Nợ gốc vay được trả trong vòng 60 kỳ, mỗi tháng một kỳ, số tiền trả mỗi kỳ 30.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay	Số tiền vay đã	Số kết chuyển	Số cuối năm
		phát sinh trong năm	trả trong năm	sang vay dài hạn đến hạn trả	
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á- chi nhánh Cầu Giấy	1.410.000.000	-	-	-	1.410.000.000
Cộng	1.410.000.000	-	-	-	1.410.000.000

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	180.000.000	360.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.410.000.000	1.410.000.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	1.590.000.000	1.770.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Lợi ích của cổ đông thiểu số</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	603.109.880.000	8.329.176.600	(14.550.000)	4.293.837.340	1.383.579	1.114.454.665	616.834.182.184
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	8.045.715.134	-	8.045.715.134
Lợi ích của cổ đông thiểu số trong năm	-	-	-	-	-	(102.337)	(102.337)
Số dư cuối năm trước	<u>603.109.880.000</u>	<u>8.329.176.600</u>	<u>(14.550.000)</u>	<u>4.293.837.340</u>	<u>8.047.098.713</u>	<u>1.114.352.328</u>	<u>624.879.794.981</u>
Số dư đầu năm nay	603.109.880.000	8.329.176.600	(14.550.000)	4.293.837.340	8.047.098.713	1.114.352.328	624.879.794.981
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	8.077.695.318	-	8.077.695.318
Lợi ích của cổ đông thiểu số trong kỳ	-	-	-	-	-	(421.014)	(421.014)
Số dư cuối kỳ này	<u>603.109.880.000</u>	<u>8.329.176.600</u>	<u>(14.550.000)</u>	<u>4.293.837.340</u>	<u>16.124.794.031</u>	<u>1.113.931.314</u>	<u>632.957.069.285</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.311.000	60.311.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.310.988	60.310.988
- Cổ phiếu phổ thông	60.310.988	60.310.988
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.455	1.455
- Cổ phiếu phổ thông	1.455	1.455
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.309.533	60.309.533
- Cổ phiếu phổ thông	60.309.533	60.309.533
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	163,36	165,39

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	111.891.227.280	356.930.209.078
Doanh thu bán thành phẩm	11.463.184.705	2.196.282.018
Cộng	<u>123.354.411.985</u>	<u>359.126.491.096</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	104.867.090.900	325.736.401.049
Giá vốn của thành phẩm đã bán	8.744.672.834	1.859.816.820
Xử lý hàng tồn kho tồn đọng	-	5.383.109.877
Cộng	<u>113.611.763.734</u>	<u>332.979.327.746</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.084.521	38.781.241
Lãi tiền cho vay	3.495.350.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	22.795.576
Cộng	<u>3.496.434.521</u>	<u>61.576.817</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.605.897.853	1.661.645.380
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	62.336.038
Lỗi đầu tư tài chính	-	10.000.000.000
Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	-	-
Cộng	1.605.897.853	11.723.981.418

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	593.604.895	703.390.383
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	79.348.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	119.350.000
Chi phí bằng tiền khác	5.072.428	21.127.184
Cộng	598.677.323	923.216.055

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.158.196.501	1.110.276.046
Chi phí đồ dùng văn phòng	56.188.869	155.803.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.491.208	219.951.060
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	6.003.987
Chi phí dự phòng	(998.846.900)	797.536.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.911.360	1.814.174.685
Chi phí bằng tiền khác	42.359.558	95.059.733
Cộng	734.300.596	4.198.805.661

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản cố định	-	4.754.250.999
Công nợ không phải trả	130.603.585	-
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	38.973	-
Cộng	130.642.558	4.754.250.999

8. Chi phí khác

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định	-	9.324.922.493
Phạt chậm nộp BHXH	-	11.550.840
Phạt nộp thuế, phạt hành chính	585.827	15.073.731
Phạt vi phạm hợp đồng	-	255.353.024
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	3.872.312	-
Cộng	4.458.139	9.606.900.088

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2015 được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.103.083.683	4.510.080.203
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	25.963.210	26.884.283
<i>Phạt vi phạm hành chính</i>	585.827	26.624.571
<i>Chi phí không được trừ</i>	3.872.312	-
<i>Khấu hao ô tô trên 1,6 tỷ</i>	19.400.000	-
<i>Lợi nhuận sau thuế của công ty con</i>	2.105.071	259.712
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	10.129.046.893	4.536.964.486
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	10.129.046.893	4.536.964.486
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.025.809.379	998.132.187
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.025.809.379	998.132.187

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.077.695.318	3.512.058.094
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.077.695.318	3.512.058.094
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	60.309.533	60.309.533
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	134	58

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tô 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	60.309.533	60.309.533
Anh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm ngày 10 tháng 01 năm 2014	-	-
Anh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm ngày 23 tháng 12 năm 2014	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>60.309.533</u>	<u>60.309.533</u>

11. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính quý II năm 2015 và Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng

Vương Thị Ánh Duyên

Lập ngày 25 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



Đương Đức Hóa